

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,914,883,347,314	1,824,162,681,565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	21,796,050,462	12,707,313,325
1. Tiền	111		17,026,050,462	12,707,313,325
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,770,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		900,000,000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		900,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		650,120,764,371	464,251,734,079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	516,875,410,432	342,836,738,475
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	84,160,440,541	96,196,247,063
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	22,122,378,107	1,485,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	133,795,560,562	54,755,398,851
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(106,833,025,271)	(31,021,650,310)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	1,195,089,723,644	1,302,402,580,305
1. Hàng tồn kho	141		1,195,358,129,153	1,304,063,120,914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(268,405,509)	(1,660,540,609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46,976,808,837	44,801,053,856
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	9,954,472,525	6,711,131,750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37,022,336,312	38,089,922,106
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,102,522,677,012	1,449,909,213,293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		265,087,413,348	19,459,893,095
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	246,750,000,000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	18,337,413,348	19,459,893,095
II. Tài sản cố định	220		489,430,373,886	479,143,228,983
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	161,518,100,654	173,205,269,687
- Nguyên giá	222		857,047,908,265	810,569,153,701
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(695,529,807,611)	(637,363,884,014)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	116,987,912,113	92,240,765,654
- Nguyên giá	225		174,399,362,908	144,390,612,879
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(57,411,450,795)	(52,149,847,225)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	210,924,361,119	213,697,193,642
- Nguyên giá	228		215,716,373,091	215,658,800,425
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4,792,011,972)	(1,961,606,783)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		117,382,658,182	110,453,867,900
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	117,382,658,182	110,453,867,900
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	155,189,591,655	754,879,761,952
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6,797,963,484	557,023,581,882

2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		166,304,000,000	215,325,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(17,912,371,829)	(17,468,819,930)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		75,432,639,941	85,972,461,363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	75,432,639,941	85,342,461,363
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	630,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,017,406,024,326	3,274,071,894,858
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,708,170,729,838	1,978,296,598,084
I. Nợ ngắn hạn	310		1,486,104,952,242	1,639,410,983,687
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	221,075,655,479	208,387,621,641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	10,741,229,924	8,723,355,855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	16,077,301,326	5,567,008,182
4. Phải trả người lao động	314	V.18	32,555,101,320	43,145,134,345
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	10,323,747,285	7,866,075,403
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	32,741,059,513	61,436,367,304
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,161,786,878,090	1,303,072,169,260
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	803,979,305	1,213,251,697
II. Nợ dài hạn	330		222,065,777,596	338,885,614,397
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	222,065,777,596	338,885,614,397
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,309,235,294,488	1,295,775,296,774
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1,309,235,294,488	1,295,775,296,774
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	29,000,000,000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70,219,761,331	21,749,562,556
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21,549,562,556	21,749,562,556
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48,670,198,775	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(5,532,296,095)	477,904,966
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,017,406,024,326	3,274,071,894,858

Người lập biểu



Mai Ngọc Tùng

Kế toán trưởng



Lê Tiến Dũng

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017

KT Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV Năm 2016

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
			Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	761,012,711,294	694,882,409,987	2,847,113,325,051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	4,069,166,457	7,898,996,606	22,587,958,113
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		756,943,544,837	686,983,413,381	2,824,525,366,938
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	668,068,324,888	572,886,171,289	2,463,126,958,386
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		88,875,219,949	114,097,242,092	361,398,408,552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	7,525,912,028	9,707,787,023	40,698,466,249
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	27,694,306,638	29,621,528,467	89,195,199,699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19,058,984,233	21,943,576,199	76,263,248,875
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2,747,439,565)	(65,720,236,546)	(3,618,515,654)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06	40,522,426,726	41,588,427,991	135,790,798,077
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	23,540,158,958	16,605,768,568	134,238,562,073
11. Lợi nhuận thuần từ HĐKD(30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		1,896,800,090	(29,730,932,457)	39,253,799,298
12. Thu nhập khác	31	VI.08	1,080,010,263	1,313,421,905	4,109,160,192
13. Chi phí khác	32	VI.09	(372,588,626)	230,516,678	14,524,913,234
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,452,598,889	1,082,905,227	(10,415,753,042)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,349,398,979	(28,648,027,230)	28,838,046,256
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		677,573,288	(2,942,981,109)	14,548,048,542
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(105,000,000)	(420,000,000)	630,000,000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2,776,825,691	(25,285,046,121)	13,659,997,714
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2,869,056,015	(25,290,576,079)	19,670,198,775
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(92,230,324)	5,529,958	(6,010,201,061)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	44	(385)	297
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		44	(385)	297

Người lập biểu

Mai Ngọc Tùng

Kế toán trưởng

Lê Tiến Dũng

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017

Giám đốc Tổng Giám Đốc




Nguyễn Duy Nhật

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý IV năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3,109,797,351,618	2,787,796,552,638
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,102,220,384,111)	(1,596,900,394,013)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(312,864,145,589)	(314,585,819,047)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(66,628,838,503)	(61,306,944,973)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		676,445,126,167	1,661,746,892,027
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(772,774,378,762)	(1,393,334,726,599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,531,754,730,820	1,083,415,560,033
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19,734,276,760)	(90,000,000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,740,000,000	10,500,000,000
3.. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50,538,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		170,520,120,000	5,697,120,000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,032,185,019	12,307,917,688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		167,558,028,259	(22,122,962,312)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3,009,540,539,775	3,509,345,769,583
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,637,380,579,140)	(4,512,396,900,704)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(34,908,434,345)	(23,655,262,089)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33,274,862,156)	(34,241,644,325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,696,023,335,866)	(1,060,948,037,535)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		3,289,423,213	344,560,186
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,707,313,325	8,912,863,533
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5,799,313,924	3,449,889,606
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		21,796,050,462	12,707,313,325

Người lập biểu



Mai Ngọc Tùng

Kế toán trưởng



Lê Tiên Dũng

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017

K.T. Tổng Giám đốc
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Duy Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty Cổ Phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Kinh doanh thủy sản xuất khẩu	90.91%	90.91%	90.91%	90.91%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần rau quả nông trại Xanh	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.	Chế biến và bảo quản rau quả.	44.4%	44.4%	44.4%	44.4%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty Cổ Phần Nam Việt.

Thặng dư vốn Cổ Phần

Thặng dư vốn Cổ Phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ Phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn Cổ Phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm/kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phần lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	671.137.520	827.111.840
Tiền gửi ngân hàng	16.354.912.942	11.880.201.485
Các khoản tương đương tiền	4.770.000.000	-
Cộng	<u>21.796.050.462</u>	<u>12.707.313.325</u>

2. Phải thu khách hàng

2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>267.019.123.969</i>	<i>74.411.129.774</i>
Triple T Corporation (USA)	67.639.033.478	74.351.346.708
Công ty TNHH Đại Tây Dương	199.300.136.840	59.783.066
Ông Doãn Quốc Hội	79.953.651	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>249.856.286.463</i>	<i>268.425.608.701</i>
Các khách hàng nước ngoài	199.493.085.599	265.966.530.297
Các khách hàng trong nước	50.363.200.864	2.459.078.404
Cộng	<u>516.875.410.432</u>	<u>342.836.738.475</u>

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>246.750.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	246.750.000.000	-
Cộng	<u>246.750.000.000</u>	<u>-</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.089.752.632	95.170.887
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	67.381.360.000	72.320.029.471
Các nhà cung cấp trong nước khác	8.689.327.909	23.781.046.705
Cộng	<u>84.160.440.541</u>	<u>96.196.247.063</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>20,690,378,107</i>	<i>-</i>
Cho Công ty CP Rau Quả Nông Trại Xanh	7.840.378.107	-
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương	12.850.000.000	-
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>	<i>1,432,000,000</i>	<i>1.485.000.000</i>
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh vay (*)	932.000.000	950.000.000
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang (*)	500.000.000	500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay mượn	-	35.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	22.122.378.107		1.485.000.000	

(*) Số dư nợ phải thu này đã quá hạn và đã được trích lập dự phòng với tổng số tiền trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 975.000.000 VND (số đầu năm là 695.000.000 VND).

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	290.012.402	-	9.409.635.636	-
Hộ Kinh Doanh cá Sáu Long Xuyên	-	-	5.386.832	-
Công ty Cổ Phần Rau Quả Nông Trại Xanh - Phải thu tiền lãi	218.516.920	-	5.386.832	-
Công ty Cổ Phần Rau Quả Nông Trại Xanh - Phải thu chi hộ	-	-	5.776.751	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương – Phải thu tiền lãi	45.509.722	-	-	-
Ông Doãn Chí Thiên - Tạm ứng	25.985.760	-	-	-
Ông Doãn Quốc Hội	-	-	40.000.000	-
Thành viên Hội đồng quản trị - Phải thu lại tiền đất chặm nộp	-	-	9.358.472.053	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	133.505.548.160	(350.480.895)	45.345.763.215	(269.400.682)
Tạm ứng	4.383.811.671	-	5.189.156.927	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	561.813.418	-	3.981.180.521	-
Tiền lãi cho vay	476.479.546	(350.480.895)	476.479.546	(269.400.682)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược (*)	122.006.424.000	-	32.113.080.000	-
Ký quỹ cho hãng tàu để nhập hàng bị trả lại về	-	-	1.111.570.663	-
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	-	220.769.354	-
Ông Đỗ Thanh Xuân – Tạm ứng	-	-	1.454.798	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.077.019.525	-	2.252.071.406	-
Cộng	133.795.560.562	(350.480.895)	54.755.398.851	(269.400.682)

(*) Công ty cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 121.585.640.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (số đầu năm là 31.700.000.000 VND đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng		110.040.082.702		48.705.468.298
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	752.895.000	527.026.500	10.790.636.786	7.553.445.750
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.703.823.964	851.911.982	4.757.975.000	2.378.987.500
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	67.745.878.478	2.963.164.978	29.052.618.068	8.715.785.420
Quá hạn trên 03 năm	39.837.485.260	-	4.104.238.444	-
Phải thu cho vay		500.000.000		1.450.000.000
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	950.000.000	665.000.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-	300.000.000	90.000.000
Quá hạn trên 03 năm	500.000.000	-	200.000.000	-
Phải thu khác		832.247.141		476.479.546
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	57.316.667	40.121.667
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	57.316.667	28.658.333	281.833.333	125.758.333
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	561.809.262	168.542.779	137.329.546	41.198.864
Quá hạn trên 03 năm	213.121.212	-	-	-
Cộng		111.372.329.843		50.631.947.844
		4.539.304.572		19.610.297.534

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	31.021.650.310
Trích lập dự phòng bổ sung	75.811.374.961
Xóa nợ	-
Số cuối năm	106.833.025.271

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	85.426.211.696	-	71.457.555.498	-
Nguyên liệu, vật liệu	107.078.052.436	-	80.598.777.373	-
Công cụ, dụng cụ	8.962.734.636	-	4.597.972.985	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	333.825.709.763	-	496.889.549.968	-
Thành phẩm	621.068.098.648	(268,405,509)	620.279.794.854	(1.660.540.609)
Hàng hóa	36.603.696.974	-	-	-
Hàng gửi đi bán	2.393.625.000	-	30.239.470.236	-
Cộng	1.195.358.129.153	(268,405,509)	1.304.063.120.914	(1.660.540.609)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.660.540.609
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(1.392.135.100)
Số cuối năm	268.405.509

Hàng tồn kho có trị giá 315.230.545.435 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	972.712.551	4.120.434.082
Công cụ dụng cụ	4.190.711.516	1.379.851.505
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.791.048.458	1.210.846.163
Cộng	9.954.472.525	6.711.131.750

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	64.698.142.735	66.777.015.739
Công cụ dụng cụ	3.663.493.237	10.043.627.399
Chi phí sửa chữa	3.243.070.651	4.056.935.604
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.827.933.318	4.464.882.621
Cộng	75.432.639.941	85.342.461.363

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	299.426.536.490	450.460.327.905	50.584.257.960	10.098.031.346	810.569.153.701
Mua trong năm	152.627.273	4.127.250.809	3.116.782.727	1.059.270.015	8.455.930.824

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.269.955.890	3.072.394.844	3.079.823.778	-	13.422.174.512
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	38.686.023.206	-	-	38.686.023.206
Thanh lý, nhượng bán	(503.896.030)	(11.056.739.509)	(1.369.581.980)	(1.155.156.459)	(14.085.373.978)
Số cuối năm	306.345.223.623	485.289.257.255	55.411.282.485	10.002.144.902	857.047.908.265
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	221.507.615.938	251.041.463.337	40.865.544.459	8.415.505.147	521.830.128.881
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	238.468.903.946	344.303.592.940	45.100.866.114	9.490.521.014	637.363.884.014
Khấu hao trong năm	9.321.280.945	39.261.476.205	1.963.796.280	933.316.184	51.479.869.614
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	20.897.534.860	-	-	20.897.534.860
Thanh lý, nhượng bán	(35.689.129)	(11.555.629.088)	(1.080.471.864)	(1.539.690.796)	(14.211.480.877)
Số cuối năm	247.754.495.762	392.906.974.917	45.984.190.530	8.884.146.402	695.529.807.611
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.957.632.546	106.156.734.957	5.483.391.849	607.510.335	173.205.269.687
Số cuối năm	58.590.727.861	92.382.282.338	92.382.282.338	1.117.998.500	161.518.100.654
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	134.912.926.333	9.477.686.546	144.390.612.879
Thuê tài chính trong năm	68.589.863.235	-	68.589.863.235
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(38.581.113.206)	-	(38.581.113.206)
Số cuối năm	164.921.676.362	9.477.686.546	174.399.362.908
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	50.556.270.900	1.593.576.325	52.149.847.225
Khấu hao trong năm	24.579.431.770	1.579.706.660	26.159.138.430
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(20.897.534.860)	-	(20.897.534.860)
Số cuối năm	54.238.167.810	3.173.282.985	57.411.450.795

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	84.356.655.433	7.884.110.221	92.240.765.654
Số cuối năm	110.683.508.552	6.304.403.561	116.987.912.113

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	215.296.802.325	361.998.100	215.658.800.425
Chi phí liên quan chuyển nhượng QSDĐ đã kết chuyển	94.135.455	-	94.135.455
Thanh lý, nhượng bán	(36.562.789)	-	(36.562.789)
Số cuối năm	215.354.374.991	361.998.100	215.716.373.091
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	361.998.100	361.998.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.599.608.683	361.998.100	1.961.606.783
Khấu hao trong năm	2.830.405.189	-	2.830.405.189
Số cuối năm	4.430.013.872	361.998.100	4.792.011.972
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	213.697.193.642	-	213.697.193.642
Số cuối kỳ	210.924.361.119	-	210.924.361.119
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 194.298.561.977 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Tiên Phong và để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	110.011.543.052	36.604.519.458	(13.422.174.512)	(17.221.230.923)	115.972.657.075
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	88.428.481.477	5.440.953.555	-	(50.000.000)	93.819.435.032
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	18.870.653.034	14.438.360.379	(3.938.851.287)	(16.053.431.594)	13.316.730.532
Nhà máy chế biến thức ăn	2.554.566.509	9.458.806.031	(4.309.791.929)	(79.166.908)	7.624.413.703
Các hạng mục khác	157.842.032	7.266.399.493	(5.173.531.296)	(1.038.632.421)	1.212.077.808
Sửa chữa lớn tài sản cố định	442.324.848	2.415.163.265	-	(1.447.487.006)	1.410.001.107
Cộng	110.453.867.900	39.019.682.723	(13.422.174.512)	(18.668.717.929)	117.382.658.182

13. Các khoản đầu tư tài chính

13a. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ Phần DAP số 2 - VinaChem ⁽ⁱ⁾	-	-	-	612.900.000.000	(66.292.897.256)	546.607.102.744
Công ty Cổ Phần Rau Quả Nông Trại Xanh ⁽ⁱⁱ⁾	12.000.000.000	(5.202.036.516)	6.797.963.484	12.000.000.000	(1.583.520.862)	10.416.479.138
Cộng	12.000.000.000	(5.202.036.516)	6.797.963.484	624.900.000.000	(67.876.418.118)	557.023.581.882

(i) Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 ngày 03 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ Phần Rau Quả Nông Trại Xanh 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Rau Quả Nông Trại Xanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ Phần Rau Quả Nông Trại Xanh		
Bán nguyên liệu, vật tư	191.320.213	676.111.363
Bán thành phẩm, bao bì	1.848.585.591	-
Cho vay	11.594.276.760	-
Vay	-	14.290.000.000
Lãi vay phải thu	391.553.031	-
Mua vật tư, công cụ dụng cụ	278.539.866	-

13b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần bảo hiểm Hàng Không ⁽ⁱ⁾	-	-	43.200.000.000	-
Công ty Cổ Phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	5.821.000.000	-
Công ty Cổ Phần cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(6.912.371.829)	20.304.000.000	(6.468.819.930)
Công ty Cổ Phần cromit Nam Việt	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
Cộng	166.304.000.000	(17.912.371.829)	215.325.000.000	(17.468.819.930)

(i) Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ số Cổ Phần của Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Hàng Không mà công ty nắm giữ.

(ii) Trong năm, Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt đã hoàn trả toàn bộ vốn góp còn lại cho các thành viên.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.468.819.930	13.134.836.304
Trích lập dự phòng bổ sung	443.551.899	4.333.983.626
Số cuối kỳ	17.912.371.829	17.468.819.930

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	630.000.000	225.000.000
Phát sinh trong kỳ	-	630.000.000
Hoàn nhập trong kỳ	(630.000.000)	(225.000.000)
Số cuối kỳ	-	630.000.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% (năm trước thuế suất là 15%).

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.746.690.108	11.223.842.444
Công ty TNHH Đại Tây Dương	10.746.690.108	11.223.842.444
Phải trả các nhà cung cấp khác	210.328.965.371	197.163.779.197
Các nhà cung cấp nước ngoài	86.312.875.128	69.886.029.598
Các nhà cung cấp trong nước	124.016.090.243	127.277.749.599
Cộng	221.075.655.479	208.387.621.641

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	7.510.760.446	6.785.648.979
Các khách hàng trong nước	3.230.469.478	1.937.706.876
Cộng	10.741.229.924	8.723.355.855

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	776.719.357	6.515.742.027	(6.598.238.491)	694.222.893
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	840.282.255	(840.282.255)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.522.047.149	(6.522.047.149)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.967.256.599	14.548.048.542	(3.997.464.816)	14.517.840.325
Thuế thu nhập cá nhân	811.736.026	3.482.574.722	(3.445.255.440)	849.055.308
Thuế tài nguyên	11.296.200	152.820.970	(147.934.370)	16.182.800
Thuế môn bài	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Thuế nhà đất	-	55.327.124	(55.327.124)	-
Cộng	5.567.008.182	32.123.842.789	(21.613.549.645)	16.077.301.326

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu
 - + Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân Không chịu thuế
 - + Công ty mua ngoài bán cho tổ chức Không kê khai, tính thuế
 - + Công ty mua ngoài bán cho cá nhân 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Sản phẩm, dịch vụ khác 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (thuế suất năm 2015 là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Lương tháng 12, tháng 13 và các khoản còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	1.297.885.401	1.376.159.183
Chi phí cước tàu	3.956.155.850	3.004.511.597
Chi phí hoa hồng môi giới	3.014.182.987	1.526.328.850
Tiền com	993.136.099	603.777.113
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.062.386.948	1.355.298.660
Cộng	<u>10.323.747.285</u>	<u>7.866.075.403</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>24.771.933.491</u>	<u>56.703.146.496</u>
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	9.547.556.891	41.152.674.950
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	15.224.376.600	15.224.376.600
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải trả khác		326.094.946
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	<u>7.969.126.022</u>	<u>4.733.220.808</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	753.108.540	900.141.786

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT, BHTN	2.642.279.155	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.527.905.480	1.125.214.572
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.453.901.400	1.453.901.400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.591.931.447	1.253.963.050
Cộng	<u>32.741.059.513</u>	<u>61.436.367.304</u>

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>103,102,500,000</i>	<i>135.343.381.384</i>
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	10.635.022.384
Vay Công ty Cổ Phần rau quả nông trại xanh	-	2.490.000.000
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	3,102,500,000	418.359.000
Vay Bà Dương Thị Kim Hương ^(a)	100,000,000,000	121.800.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1,058,684,378,090</i>	<i>1.167.728.787.876</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	978,301,253,265	1.094.054.635.823
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	313,646,004,657	416.917.550.864
Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	29.971.099.635
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội ^(c)	91,068,840,000	37.964.240.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(d)	73,609,680,410	166.664.816.222
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(e)	299,817,788,647	286.127.626.288
Vay Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank ^(f)	42,980,833,741	42.789.445.692
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam ^(g)	154,532,145,810	113.619.857.122
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ^(h)	2,645,960,000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	48,725,000,000	40.875.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	31,658,124,825	32.799.152.053
Cộng	<u>1.161.786.878.090</u>	<u>1.303.072.169.260</u>

^(a) Vay không có tài sản đảm bảo của Ông Doãn Tới và Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.

^(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty.

^(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng hóa thành phẩm cá tra xuất khẩu của Công ty tại kho của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương.

^(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tiền gửi có kỳ hạn, các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị, các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thanh Thiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty.
- (f) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty và được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị.
- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.094.054.635.823	4.621.363.281.792		- 3.650.621.850	(4.740.767.286.200)	978.301.253.265
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	13.125.022.384	13.683.750.000		-	(26.808.772.384)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	122.218.359.000	61.495.000.000		-	(80.610.859.000)	103.102.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả	40.875.000.000	-	45.750.000.000	-	(37.900.000.000)	48.725.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	32.799.152.053	16.550.782.345	31.520.656.939	153.468.080	(49.365.934.592)	31.658.124.825
Cộng	1.303.072.169.260	4.713.092.814.137	77.270.656.939	3.804.089.930	(4.935.452.852.176)	1.161.786.878.090

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	76.628.000.000	169.041.578.844
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	20.000.000.000	102.141.578.844
Công ty TNHH Đại Tây Dương	56.628.000.000	66.900.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	145.437.777.596	169.844.035.553
Vay dài hạn ngân hàng	102.375.000.000	148.125.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(b)	78.000.000.000	114.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ^(c)	24.375.000.000	34.125.000.000
Nợ thuê tài chính	43.062.777.596	21.719.035.553
Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị	11.136.881.912	9.715.311.777
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị	881.174.727	2.879.810.963
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	31.044.720.957	9.123.912.813
Cộng	222.065.777.596	338.885.614.397

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 36 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định nhà máy, máy móc thiết bị, vùng nuôi, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đại Tây Dương.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	151.100.000.000	48.725.000.000	102.375.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân	76.628.000.000		76.628.000.000	-
Nợ thuê tài chính	74.720.902.421	31.658.124.825	43.062.777.596	-
Cộng	302.448.902.421	80.383.124.825	222.065.777.596	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	189.000.000.000	40.875.000.000	148.125.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân	169.041.578.844	-	169.041.578.844	-
Nợ thuê tài chính	54.518.187.606	32.799.152.053	21.719.035.553	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
	412.559.766.450	73.674.152.053	338.885.614.397	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	148.125.000.000	-	-	-	(45.750.000.000)	102.375.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân	169.041.578.844	-	-	(92.413.578.844)	-	76.628.000.000
Nợ thuê tài chính	21.719.035.553	52.779.568.131	190.514.821	(105.683.970)	(31.520.656.939)	43.062.777.596
Cộng	338.885.614.397	52.779.568.131	190.514.821	(92.519.262.814)	(77.270.656.939)	222.065.777.596

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	132.231.160	-	(13.600.000)	118.631.160
Quỹ phúc lợi	1.081.020.537	200.000.000	(595.672.392)	685.348.145
Cộng	1.213.251.697	200.000.000	(609.272.392)	803.979.305

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	299.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	90.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	90.000.000.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	176.552.500.000	176.552.500.000
Cộng	656.052.500.000	656.052.500.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	244.039,22	368.316,23
Euro (EUR)	3.895,14	2.727,57

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	8.424.932,03	160.912.072.607	8.420.467,83	160.811.895.425
Khách hàng trong nước	-	19.369.736.628	-	19.319.101.228
Cộng		<u>180.281.809.235</u>		<u>180.130.996.653</u>

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Doanh thu bán thành phẩm	756.104.618.951	691.873.542.902
Doanh thu bán nguyên liệu	556.746.008	675.899.576
Doanh thu khác	4.351.346.335	2.332.967.509
Cộng	<u>761.012.711.294</u>	<u>694.882.409.987</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.14, Trong kỳ Công ty chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem cho Công ty TNHH Đại Tây Dương với số tiền: 546.750.000.000 (cùng kỳ năm trước chỉ có giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với số tiền là 38.617.680 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Chiết khấu thương mại	432.865.000	-
Hàng bán bị trả lại	2.837.457.465	6.747.955.110
Giảm giá hàng bán	798.843.992	1.151.041.496
Cộng	<u>4.069.166.457</u>	<u>7.898.996.606</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	669.277.386.392	570.518.311.988
Giá vốn bán nguyên liệu	558.612.000	659.678.629
Giá vốn khác	1.267.334.389	1.362.970.977
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.035.007.893)	345.209.695
Cộng	<u>668.068.324.888</u>	<u>572.886.171.289</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.659.712.746	1.129.296.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	22.084.117	-
Lãi tiền cho vay	287.906.642	3.874.018.173
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.421.591.243	4.704.472.850
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	98.086.044	-
Lãi bán hàng trả chậm	36.531.236	-
Cộng	<u>7.525.912.028</u>	<u>9.707.787.023</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Chi phí lãi vay	19.058.984.233	21.943.756.199
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.537.976.865	6.202.055.898
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.834.533.711	-
Dự phòng đầu tư tài chính	262.811.829	1.196.824.581
Chi phí tài chính khác	-	278.891.789
Cộng	<u>27.694.306.638</u>	<u>29.621.528.467</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Chi phí cho nhân viên	2.500.117.578	1.700.607.135
Chi phí vật liệu, bao bì	14.612.539	16.911.894
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.363.883	32.146.978
Chi phí kiểm hàng	2.322.747.125	2.348.522.154
Chi phí bốc hàng	2.709.927.678	3.516.145.379
Chi phí hoa hồng	8.824.979.456	6.847.883.322
Chi phí vận chuyển	18.055.250.127	20.069.870.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.535.804.850	5.472.748.782
Các chi phí khác	495.623.490	1.583.592.175
Cộng	<u>40.522.426.726</u>	<u>41.588.427.991</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Chi phí cho nhân viên	10.465.901.158	9.724.976.704
Chi phí vật liệu quản lý	384.481.694	411.613.637

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.286.673	317.124.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.492.474	195.068.392
Thuế, phí và lệ phí	1.541.173.392	1.862.500.523
Dự phòng phải thu khó đòi	7.619.185.707	389.278.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.151.420.468	1.139.722.345
Chi phí tiếp khách	642.422.325	442.261.253
Chi phí bằng tiền khác	1.286.795.067	2.123.222.404
Cộng	<u>23.540.158.958</u>	<u>16.605.768.568</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	189.163.636	-
Thu tiền cho thuê	-	642.051.094
Thu tiền phạt từ vi phạm hợp đồng	107.053.000	94.604.020
Xử lý công nợ tồn lâu	602.563.750	270.143.067
Thu nhập khác	181.229.877	306.623.724
Cộng	<u>1.080.010.263</u>	<u>1.313.421.905</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	20.501.250	
Chi phí công cụ dụng cụ không sử dụng	6.875.000	24.958.828
Phạt do vi phạm hợp đồng	92.865.081	-
Thuế bị phạt, truy thu	-	12.166.300
Xử lý công nợ tồn lâu	54.925.052	33.750.000
Chi phí khác	(547.755.009)	159.641.550
Cộng	<u>(372.588.626)</u>	<u>230.516.678</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.869.056.015	(25.290.576.079)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.869.056.015	(25.290.576.079)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	65.605.250	65.605.250
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>44</u>	<u>(385)</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành và cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Doãn Tới		
<i>Công ty đi vay</i>	6.495.000.000	49.526.700.000
<i>Công ty chia cổ tức</i>	-	26.955.000.000
Ông Doãn Chí Thanh		
<i>Tạm ứng</i>	156.562.410	210.000.000
<i>Công ty chia cổ tức</i>	-	8.100.000.000
Ông Doãn Chí Thiên		
<i>Tạm ứng</i>	90.000.000	85.670.000
<i>Công ty mua tài sản</i>	1.600.000.000	-
<i>Công ty chia cổ tức</i>	-	8.100.000.000
Ông Đỗ Lập Nghiệp		
<i>Tạm ứng</i>	-	20.000.000
Các thành viên Ban điều hành		
Bà Dương Thị Kim Hương		
<i>Công ty đi vay</i>	55.000.000.000	105.050.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh V.2, V.5, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần rau quả nông trại xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ Phần cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.13 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
<i>Công ty bán vật tư</i>	167.901.509	312,430,527
<i>Công ty mua bao bì, vật tư</i>	23.433.800	40,638,034
<i>Công ty phải trả tiền điện, thuê kho, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ</i>	13.858.354.223	8,200,616,098
<i>Công ty đi vay</i>	13.683.750.000	12,615,000,000
<i>Công ty cho vay</i>	13.850.000.000	-
<i>Chuyển nhượng cổ phần DAP số 2 - Vinachem</i>	546.750.000.000	-
<i>Lãi cho vay</i>	45.509.722	-
<i>Thu hộ</i>	13.132.091	8,087,278
<i>Chi hộ</i>	36.132.370	-
Công ty Cổ Phần Cromit Nam Việt		
<i>Công ty mua tài sản</i>	99.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.5, V.15, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Xuất khẩu	505,346,452,852	609,815,525,813
Trong nước	251,597,091,985	77,167,887,568
Cộng	<u>756,943,544,837</u>	<u>686,983,413,381</u>

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017



Mai Ngọc Tùng
Người lập biểu



Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	-	(27,417,629,848)	108,270,425,992	410,911,287	1,353,229,166,531
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1,523,861,564	66,993,679	1,590,855,243
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	-	-	29,000,000,000	-	(29,000,000,000)	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(59,044,725,000)	-	(59,044,725,000)
Số dư cuối năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	29,000,000,000	(27,417,629,848)	21,749,562,556	477,904,966	1,295,775,296,774
Số dư đầu năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	29,000,000,000	(27,417,629,848)	21,749,562,556	477,904,966	1,295,775,296,774
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	19,670,198,775	(6,010,201,061)	13,659,997,714
Trích các quỹ	-	-	-	-	(200,000,000)	-	(200,000,000)
Tăng lợi nhuận từ vốn	-	-	(29,000,000,000)	-	29,000,000,000	-	-
Số dư cuối năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	-	(27,417,629,848)	70,219,761,331	(5,532,296,095)	1,309,235,294,488



Mai Ngọc Tùng

Người lập biểu



Lê Tiến Dũng

Kế toán trưởng


 Người đại biểu
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 02 năm 2017

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
Hợp nhất quý IV/2016 so với cùng kỳ"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý IV/2016: 2.776.825.691 đồng
 - Lợi nhuận sau thuế quý IV/2015: -25.285.046.121 đồng
- Tăng 28.061.871.812 đồng tương đương tăng 110,98%.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Do trong quý IV/2015, công ty có ghi nhận số lỗ của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 64.136.715.684 đồng. Nhưng đến quý III/2016, công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 40,5% cổ phần của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem mà công ty nắm giữ nên đã hoàn nhập lại khoản lỗ này.

Công ty xin giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

Ư. **TỔNG GIÁM ĐỐC**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật